TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HS-ST
Ngày: 26-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Phạm Thanh Giúp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1996, tại tỉnh Long An.

Nơi cư trú: Ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giữ từ ngày 26-7-2018, tạm giam ngày 03-8-2018 cho đến nay, "có mặt".

2. **Lê Văn M,** sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: Ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Lê Thị R; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 28 tháng 4 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; ngày 24 tháng 7 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; chấp hành xong hình phạt ngày 16 tháng 4 năm 2017; Nhân thân: Ngày 19-6-2012, bị Công an xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản"; ngày 01-3-2013, bị Công an xã An Tịnh xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; bị bắt, tạm giữ từ ngày 26-7-2018, tạm giam ngày 03-8-2018 cho đến nay, "có mặt".

3. **Lê M Th,** sinh năm 1998, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: Ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giữ từ ngày 26-7-2018, tạm giam ngày 03-8-2018 cho đến nay, "có mặt".

4. **Nguyễn Duy T,** sinh năm 1999, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: Ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thành T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giữ từ ngày 26-7-2018, tạm giam ngày 03-8-2018 cho đến nay, "có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Trần Minh Tuấn – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Minh Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

- *Bị hại*

1. Bà Thi Thị N, sinh năm 1952; cư trú tại: Khu phố LA, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

2. Anh Biện Gia V, sinh ngày 10/01/2000; cư trú tại: Ấp HP, xã AH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

3. Anh Lê Phi P, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp LT, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An, "có mặt".

4. Anh Trần Văn X, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "có mặt"..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An, "có mặt".

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn D rủ rê, bàn bạc với Lê Văn M, Lê Minh Th, Nguyễn Duy T và nhiều đối tượng khác cùng đi trộm xe mô tô của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Từ ngày 24-6-2018 đến ngày 10-7-2018, D, M, Th và T đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; cụ thể:

* Vụ thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ ngày 24-6-2018, D điều khiển xe mô tô loại Wave (không rõ biển số) của D chở người thanh niên tên "520" (không rõ họ tên địa chỉ) chạy ngang nhà bà Thi Thị N tại Khu phố Lộc An, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhìn thấy xe mô tô loại Vision, biển số 70L1-476.78 của bà N đang dựng trước nhà không người trông coi, D dừng xe lại để cho người tên "520" đi vào lấy trộm xe của bà N và cả hai đem bán cho người đàn ông Campuchia (không rõ họ tên, địa chỉ) được 10.000.000 đồng, chia mỗi người 5.000.000 đồng tiêu xài.

* Vụ thứ hai: Sau khi trộm được xe của bà N, đến khoảng 19 giờ ngày 24-6-2018, D điều khiển xe mô tô loại Wave chở người tên "520" đến tiệm internet "Lê Minh" thuộc ấp An Quới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; người tên "520" lén lút lấy xe mô tô biển số 70F1-176.53 của anh Biện Gia V đang dựng trong nhà. Sau đó, D liên hệ với người đàn ông Campuchia để bán xe nhưng không được nên D đưa xe cho người tên "520" sử dụng.

* Vụ thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 06-7-2018, D rủ M, Th, T, T1 (không rõ họ, địa chỉ) và T2 (không rõ họ, địa chỉ) đến quán cà phê Trung Hoa thuộc ấp An Quới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để bàn bạc đi trộm cắp xe mô tô của người khác. D phân công M chuẩn bị 01 thanh đoản mang theo trực tiếp lấy xe, Th, T, T1 và T2 đi theo cảnh giới; sau khi trộm được xe thì giao cho D mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì tất cả đồng ý. D điều khiển xe mô tô loại Wave chở T; T1 điều khiển xe mô tô loại Wave màu xanh (không rõ biển số) của T1 chở M; Th điều khiển xe môtô loại Wave màu xanh, biển số 70K2-8013 của Th chở T2 đến khu vực phà "Lái Mai" thuộc ấp An Thới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, D nhìn thấy xe mô tô loại Wave Alpha màu-xanh-ngọc biển số 62P1-511.72 của anh Lê Phi P đang dựng cặp lề đường không người trông coi. Lúc này, D kêu M đi qua xe của Th chở, T2 qua xe của T1; Th chở M đến nơi dựng xe, M xuống xe dùng đoản bẻ ổ khóa công tắc và lấy trộm xe của anh P chạy về hướng Khu công nghiệp Thành Thành Công được khoảng 500 mét thì M đưa xe cho Th điều khiển. Sau đó, cả nhóm chạy về nhà Th, D và Th đem xe đi bán cho người đàn ông Campuchia được 8.000.000 đồng, D chia cho Th 700.000 đồng, T 700.000 đồng, M 2.700.000 đồng, T1 700.000 đồng, T2 500.000 đồng, số tiền còn lại D cất giữ tiêu xài.

* Vụ thứ tư: Vào khoảng 08 giờ ngày 10-7-2018, M điều khiển xe mô tô

loại Wave màu tím (không rõ biển số) chở T3 (không rõ họ, địa chỉ) đến khu vực đồng ruộng thuộc ấp Gia Tân, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vinh phát hiện xe mô tô loại Wave S màu đỏ-đen-xám, biển số 70L4-8451 của anh Trần Văn X dựng trên bờ kênh, không người trông coi. M điện thoại kêu D đến cùng M trộm xe thì D đồng ý. D điều khiển xe loại Exciter, biển số 62P1-531.04 đến và đứng bên ngoài cảnh giới, M đi bộ đến dùng thanh đoản bẻ khóa lấy trộm xe. Sau đó, D và M đem xe bán cho người đàn ông Campuchia được 5.300.000 đồng, M được chia 2.150.000 đồng, Vinh 1.000.000 đồng, số tiền còn lại D cất giữ tiêu xài.

Ngoài ra, D khai nhận: D, T2 và T1 cùng thực hiện 01 vụ trộm xe mô tô Wave màu xanh không rõ biển số tại khu vực kênh Mộc Bài thuộc ấp An Quới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh rồi đem bán cho người đàn ông Campuchia nhưng không bán được nên D thay đổi ốp nhựa thân xe thành màu sơn đỏ và gắn biển số 59Y1-536.92 để làm phương tiện đi lại cho đến khi bị bắt giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bàng đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng hiện nay chưa xác định được chủ sở hữu nên chưa xử lý được.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 91/KLĐG ngày 26-7-2018, số 123/KLĐG ngày 16-10-2018 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 70L1-476.78 có giá trị 29.200.000 đồng;

- 01 xe mô tô biển số 70F1-176.53 có giá trị 16.600.000 đồng;

- 01 xe mô tô biển số 62P1-511.72 có giá trị 13.200.000 đồng;

- 01 xe mô tô biển số 70L4-8451 có giá trị 7.500.000 đồng;

- 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ, gắn biển số 59Y1-536.92 (số khung VHLPCG0022H012124, số máy ZX150FMG32127923) có giá trị 3.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 95/QĐ-KSĐT ngày 07-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lê Văn M, Lê Minh Th, Nguyễn Duy T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn M từ

03 năm đến 04 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh Th từ 02 năm đến 03 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Do các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị báo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị hại; buộc các bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và đồng ý bồi thường cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo D phát biểu: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D. Ngoài ra, bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có ông ngoại là Liệt sĩ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất do Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại như kết luận của Hội đồng định giá đã định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà H khai nhận: Bà là mẹ của bị cáo D. Chiếc xe loại Exciter, biển số 62P1-531.04 do D điều khiển là xe của bà. Việc bị cáo D sử dụng làm phương tiện đi trộm bà không biết. Bà yêu cầu được nhận lại xe này.

Bà L khai nhận: Bà là mẹ của bị cáo Th. Chiếc xe mô tô loại Wave màu xanh, biển số 70K2-8013 do Th điều khiển là xe của bà. Việc bị cáo Th sử dụng làm phương tiện đi trộm bà không biết. Bà yêu cầu được nhận lại xe này.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xử nhẹ cho các bị cáo để các bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo D, M, Th và T thấy rằng: Từ ngày 26-4-2018 đến ngày 10-7-2018, bị cáo D, M, Th và T cùng nhau bàn bạc thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Trảng Bàng; cụ thể D thực hiện 04 vụ trộm chiếm đoạt được 04 chiếc xe có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 66.500.000 đồng; M thực hiện 02 vụ trộm chiếm đoạt được 02 chiếc xe có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 20.700.000 đồng; Th thực hiện 01 vụ chiếm đoạt 01 xe mô tô có giá trị là 13.200.000 đồng; T thực hiện 01 vụ chiếm đoạt 01 xe mô tô có giá trị là 13.200.000 đồng.

Trong vụ án này, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Do đó,Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tình tiết phạm tội "có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Riêng bị cáo D thực hiện 04 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 66.500.000 đồng, do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tình tiết "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 173; các bị cáo M, Th, T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhiều công dân được pháp luật bảo vệ.

[3] Tính chất vụ án nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Trong thời gian ngắn, các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo D là chủ mưu, rủ rê bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Trong thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp (04 vụ). Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo M đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm" theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Th, T sau khi D rủ đi trộm thì các bị cáo đồng ý và tham gia

với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của các bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo D, M sau khi bị bắt đã tự nguyện khai các lần phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo D có ông ngoại là Liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị báo.

Đối với những người tên "520", T1, T2, T3 và người đàn ông Campuchia mà các bị cáo khai có liên quan đến việc trộm xe và tiêu thụ tài sản; hiện không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại như kết quả của Hội đồng định giá đã định.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Đối với xe mô tô loại Wave ,màu đỏ, gắn biển số 59Y1-536.92 (số khung VHLPCG0022H012124, số máy ZX150FMG32127923), hiện chưa tìm được chủ sở hữu. Giao Cơ quan Thi hành án tiếp tục thông báo truy tìm chủ sở hữu. Trường hợp không tìm được chủ sở hữu thì xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 03 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo D, M, Th. Xét thấy các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Riêng 02 điện thoại di động thu của bị cáo M, Th xét thấy không liên quan đến vụ án cần tuyên trả lại các bị cáo M, Th.

Đối với 03 chìa khóa, 01 ống kim loại và 01 thanh kim loại là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 biển kiểm soát không liên quan đến vụ án nhưng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô loại Wave 110, màu xanh. Qua xác M là xe của bà L (mẹ của bị cáo Th). Bị cáo Th dùng xe làm phương tiện đi trộm bà L không biết nên trả lại xe cho bà L là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô loại Exciter 150, màu xanh-bạc. Qua xác minh là xe

của bà H (mẹ của bị cáo D). Bị cáo D dùng xe làm phương tiện đi trộm bà H không biết nên trả lại xe cho bà H là phù hợp.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-7-2018.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn M (Tý) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-7-2018.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh Th 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-7-2018.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-7-2018.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

- Bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho bà Thi Thị N số tiền 29.200.000 đồng;

- Bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Biện Gia V số tiền 16.600.000 đồng;

- Các bị cáo D, M, Th và T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Phi P số tiền 13.200.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 3.300.000 đồng cho anh Lê Phi P;

- Bị cáo D và bị cáo M có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn X số tiền 7.500.000 đồng. Trong đó, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 3.750.000 đồng cho anh Trần Văn X.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

* Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel, màu đen, số Imei 1: 352902097367305, số Imei 2: 352902097367313; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, màu xanh, số Imei: 359337/03/238986/1, kèm sim số: 0978.585.794; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko, màu đen, số Imei 1: 352572092160045, số Imei 2: 352572092190349.

* Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa vặn hình chữ "L" bằng kim loại dài 16cm, phía trên có ghi chữ GS Rebel 8mm, có 02 đầu tròn phía trong hình lục giác; 01 chìa khóa vặn hình chữ "L" bằng kim loại dài 16,5cm, có 02 đầu hình vuông; 01 ống kim loại dài 05cm, phía trên có ghi chữ TOP 08mm; 01 thanh kim loại màu vàng dài 04cm, có 02 đầu vuông; 01 chìa khóa số 10 bằng kim loại dài 12cm, phía trên có ghi chữ YETI USA Standard; 02 biển kiểm soát số: 62S1-397.64; 59C1-442.15.

* Tuyên trả lại bị cáo M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1w, màu trắng-vàng, số Imei 1: 869125023755213, số Imei 2: 869125023755205, kèm sim số: 0120.5411.134.

* Tuyên trả lại bị cáo Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, màu trắng-vàng, số Imei 1: 355079085306301/01, số Imei 2: 355080085306309/01; kèm sim số 1: 0898.947.046, sim số 2: 0168.3008.901.

* Tuyên trả lại bà Nguyễn Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu: Hamco, loại xe Wave 110, màu sơn: xanh, biển số: 70K2-8013, số khung: VPDWCH062PD003532, số máy: VPDHA152FMH-00003896.

* Tuyên trả lại bà Nguyễn Thị H: 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Exciter 150, màu sơn xanh- bạc, biển số: 62P1-531.04, số khung: G3D4E230915, số máy: 0610GY218005.

Giao Cơ quan Thi hành án tiếp tục thông báo truy tìm chủ sở hữu 01 xe mô tô loại Wave, màu đỏ, gắn biển số 59Y1-536.92 (số khung VHLPCG0022H012124, số máy ZX150FMG32127923). Trường hợp không tìm được chủ sở hữu thì xử lý theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo D phải chịu 2.642.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo M phải chịu 352.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
-Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
-Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
-Bị cáo; người TGTT khác;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm